

Nhận thức của sinh viên về tính hiệu quả của hoạt động chữa bài theo cặp trong phát triển kỹ năng viết

Đỗ Thị Hương*

**Trường Đại học Phenikaa*

Received: 18/4/2024; Accepted: 28/4/2024; Published: 15/5/2024

Abstract: *Currently, there is a situation where class sizes in general and English classes in particular are always large, leading to an overload of articles that teachers need to review every week. For teachers, pairwork activities have become a solution that brings many benefits such as increasing students' initiative, increasing students' writing practice time, reducing pressure on teachers, and developing students' writing skills in general. This study focuses on understanding students' perceptions of group activities in pairs and the research results show that students also have positive assessments of the effectiveness of this activity.*

Keywords: *Pair correction, writing skills, cross-correction, peer correction, essay writing.*

1. Đặt vấn đề

Trong bốn kỹ năng (KN) tiếng Anh (nghe, nói, đọc, và viết) KN viết là KN đòi hỏi SV phải nỗ lực rất nhiều, luyện tập và rút kinh nghiệm thường xuyên để có được sự tiến bộ rõ ràng. Tuy nhiên, ở hầu hết các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam, sĩ số các lớp tiếng Anh nói chung và các lớp viết học thuật nói riêng luôn ở mức đông. Điều này dẫn đến tình trạng quá tải và GV không có đủ thời gian để chữa bài viết một cách chi tiết và liên tục cho từng SV trong các các lớp Viết học thuật. Trước những yêu cầu và thách thức của việc phát triển KN viết học thuật cho SV, đặc biệt trong bối cảnh đường hướng dạy học giao tiếp tập trung vào sự tương tác đang trở nên phổ biến, Hoạt động chữa bài (HĐCB) viết theo cặp thực sự là một giải pháp hữu ích và đã trở thành sự lựa chọn của ngày càng nhiều GV (Corbin, 2012). Giải pháp này không chỉ gia tăng tính tự giác trong thực hành viết mà còn giúp SV hiểu và coi hoạt động viết là một hoạt động có tính tương tác xã hội (Farrah, 2012).

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan HĐCB viết theo cặp

Chữa bài theo cặp được hiểu là hoạt động trong đó mỗi người học sẽ có vai trò đưa ra những nhận xét và góp ý cho những sản phẩm bài tập của một bạn khác, vai trò này tương tự như vai trò của một GV đã được đào tạo chuyên nghiệp (Liu & Hansen 2002).

HĐCB theo cặp đã được nghiên cứu từ nhiều góc nhìn (Motlagh, 2015) và các nghiên cứu đều chứng minh tính hiệu quả của hoạt động này. Các tác giả Yang, Badger & Yu (2006) khẳng định HĐCB theo cặp làm tăng tính tự giác của SV do SV phải trải qua quá trình đọc và tự tìm lỗi (trong bài của cặp). Trong các lớp học ngoại ngữ, HĐCB theo cặp còn là công

cụ giúp SV phát triển các KN xã hội và hỗ trợ các em phát triển KN viết.

HĐCB theo cặp làm tăng sự tự tin và thoải mái của SV khi viết, giúp cải thiện khả năng viết của SV nếu SV được hướng dẫn chi tiết, biết mình phải tập trung vào đâu và tìm kiếm các giải pháp như thế nào?. Hoạt động này tăng cơ hội học tập cho SV, cho phép các em tự điều chỉnh các vấn đề bản thân gặp phải khi thực hành viết, từ đó trở thành những người học tự chủ (Hyland & Hyland, 2006).

Dù còn có nhiều băn khoăn xung quanh việc áp dụng HĐCB theo cặp trong dạy và học KN viết, SV vẫn nên chủ động quá trình trau dồi KN viết của mình thông qua những phản hồi nhận được từ HĐCB theo cặp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. *Đối tượng nghiên cứu:* Nhận thức của SV về tính hiệu quả của HĐCB theo cặp trong phát triển KN viết.

2.2.2. *Khách thể nghiên cứu:* 60 SV năm thứ 2, chuyên ngành ngôn ngữ Anh, trường Đại học Phenikaa. Các SV này tham gia vào các khoá học Thực hành tiếng Anh - Viết 4 và Thực hành tiếng Anh - Viết 5 tương ứng với trình độ trung cấp và cao cấp. Hàng tuần, SV thực hiện các nhiệm vụ sau: viết một bài viết học thuật, gửi bài cho bạn chữa theo cặp, trao đổi với bạn về những thay đổi cần phải thực hiện để nâng cao chất lượng bài viết ban đầu, điều chỉnh bài viết dựa trên những vấn đề đã được thống nhất, gửi lại cho GV bài viết trước và sau HĐCB theo cặp.

2.2.3. *Thời gian thực hiện:* Năm học 2023-2024

2.2.4. *Phương pháp nghiên cứu*

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: phân tích, so sánh và tổng hợp tài liệu.

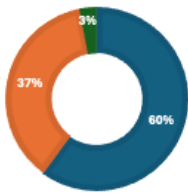
- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Khảo sát bằng bảng hỏi trên google form và phỏng vấn bán cấu trúc.

Phiếu khảo sát nhận thức của SV về tính hiệu quả của HĐCB theo cặp trong phát triển KN viết được gửi đến SV vào thời điểm kết thúc khoá học, sau khi SV đã thực hành HĐCB theo cặp xuyên suốt trong một kỳ học. Phiếu khảo sát gồm có 6 câu hỏi, và sử dụng thang đo Likert 5 cấp độ (Hoàn toàn đồng ý, Đồng ý, Không biết, Không đồng ý, và Hoàn toàn không đồng ý). Ngoài ra, 5 SV được lựa chọn ngẫu nhiên đã tham gia vào 1 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với những câu hỏi đã được chuẩn bị trước và những câu hỏi được phát triển dựa trên câu trả lời thực tế của SV.

2.3. Kết quả và thảo luận

2.3.1. Nhận thức của SV về mức độ thoải mái khi đọc các nhận xét của bạn trong HĐCB viết theo cặp.

■ Hoàn toàn đồng ý ■ Đồng ý ■ Không biết ■ Không đồng ý ■ Hoàn toàn không đồng ý



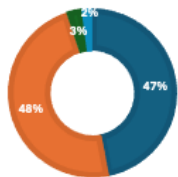
Hình 2.1. Kết quả khảo sát ý kiến của SV về mức độ thoải mái khi đọc các nhận xét của bạn (%)

Từ kết quả phiếu khảo sát, có thể thấy phần lớn số SV (97 %) tham gia vào nghiên cứu này đồng ý với nhận định rằng các em cảm thấy thoải mái khi đọc các nhận xét từ bạn làm cặp với mình.

Kết quả từ các phỏng vấn bán cấu trúc cũng có kết quả tương tự với 5/5 SV cho biết SV cảm thấy hoàn toàn thoải mái khi đọc các nhận xét của các bạn cùng cặp.

2.3.2. Nhận thức của SV về tác động của HĐCB theo cặp đối với mức độ nhận ra các lỗi trong thực hành viết.

■ Hoàn toàn đồng ý ■ Đồng ý ■ Không biết ■ Không đồng ý ■ Hoàn toàn không đồng ý



Hình 2.2. Kết quả khảo sát ý kiến của SV về tác động của HĐCB theo cặp đối với mức độ nhận ra các lỗi trong thực hành viết (%)

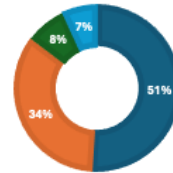
95 % số SV được khảo sát đồng ý thuận với ý kiến rằng các em nhận ra được các lỗi mình hay mắc phải nhờ vào những nhận xét của các bạn trong HĐCB viết theo cặp. Chỉ có một số ít SV (5%) chưa nhận thấy rõ

ràng hoặc không thấy tác động tích cực của hoạt động này đối với khả năng nhận ra các lỗi viết của các em.

Trong buổi phỏng vấn với 5 SV, các em cũng đều khẳng định là phần nhận xét của các bạn giúp SV nhận ra các lỗi mình thường mắc phải khi viết.

2.3.3. Nhận thức của SV về tác động của HĐCB theo cặp đối với động lực thực hành viết.

■ Hoàn toàn đồng ý ■ Đồng ý ■ Không biết ■ Không đồng ý ■ Hoàn toàn không đồng ý



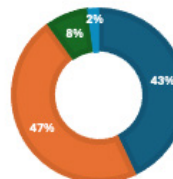
Hình 2.3. Kết quả khảo sát ý kiến của SV về tác động của HĐCB theo cặp đối với động lực thực hành viết (%)

Vẫn là những kết quả khẳng định tính hiệu quả của HĐCB viết theo cặp, với 85 % số SV hoàn toàn đồng ý và đồng ý với nhận định HĐCB viết theo cặp làm gia tăng động lực thực hành viết của các em. Chỉ có 7% trên tổng số SV không nhận thấy động lực thực hành viết được cải thiện nhờ HĐCB theo cặp.

Để củng cố thêm cho kết quả từ phiếu khảo sát, trong buổi phỏng vấn bán cấu trúc, khi được hỏi về tác động của HĐCB viết theo cặp đối với mức độ thực hành viết của mình, cả 5 SV trả lời rằng các em đã thường xuyên viết bài hơn khi có bạn chữa bài cho mình

2.3.4. Nhận thức của SV về tác động của HĐCB theo cặp đối với mức độ trau dồi kiến thức và sự tự tin khi thực hành viết.

■ Hoàn toàn đồng ý ■ Đồng ý ■ Không biết ■ Không đồng ý ■ Hoàn toàn không đồng ý

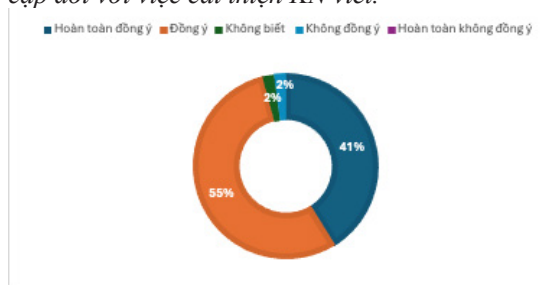


Hình 2.4. Kết quả khảo sát ý kiến của SV về tác động của HĐCB theo cặp đối với mức độ trau dồi kiến thức và sự tự tin khi thực hành viết (%)

90% số SV được khảo sát khẳng định HĐCB viết theo cặp giúp các em trau dồi kiến thức và sự tự tin khi viết. Có 8% các bạn SV không chắc chắn về tác động của HĐCB theo cặp đối với những kiến thức và KN thực hành viết của các em. 2% các em còn lại không nhận thấy sự tiến bộ hay tác động tích cực nào của HĐCB theo cặp.

Trong phần phỏng vấn, các em SV cùng có chung nhận định là HĐCB viết theo cặp mang lại cho các em nhiều kiến thức và sự tự tin trong thực hành viết. Các chia sẻ của các em như sau: “*Em học được nhiều thứ cô ạ. Em học được từ nhận xét của bạn, học được từ việc em đọc bài để nhận xét cho bạn, học cả những điều bạn làm tốt như cấu trúc hay, từ vựng đẹp, hoặc học được ngay cả từ những lỗi sai của bạn. Trước khi em viết ra những nhận xét của mình, em thường phải lên mạng, kiểm tra lại thông tin cho chắc chắn, chính điều này cũng có thêm nhiều phần mà trước đó em còn mơ hồ.*” Có em nói: “*Từ khi cô giao chữa bài theo cặp thì em đã thực hành viết nhiều hơn, viết nhiều rồi thành quen, em không ngại viết như xưa nữa cô ạ. Trước đây, để viết được một bài luận, em cầm bút lên đặt bút xuống không biết bao nhiêu lần. Giờ phải làm bài theo cặp với các mốc thời gian cụ thể, em không thể trì hoãn được nên phải viết ngay khi được giao bài và thấy việc viết bài trở nên nhanh hơn.*” Ngoài ra còn có ý kiến đề cập đến việc biến khó khăn thành lợi thế như sau “*Thực ra nhiều khi cô giao chữa bài cho bạn nhưng em đọc mà không biết cần phải chữa gì. Có khi là do em thấy sai nhưng không biết sai cái gì, cũng có khi là do em đọc mà không thấy bài của bạn sai ở đâu. Những lúc như thế, em nhớ lời cô dặn là để bài viết của bạn xuống, làm việc khác, đọc những bài viết liên quan đến chủ đề bạn đang viết và đọc lại bài của bạn vào khoảng thời gian khác. Lần thứ 2, thứ 3 đọc lại bài của bạn, cộng với sự so sánh, em đã nhận ra được nhiều điều hơn lần đọc thứ 1. Đó cũng chính là lý do giúp em học được thêm kiến thức mỗi lần chữa bài theo cặp ạ.*”

2.3.5. Nhận thức của SV về tác động của HĐCB theo cặp đối với việc cải thiện KN viết.



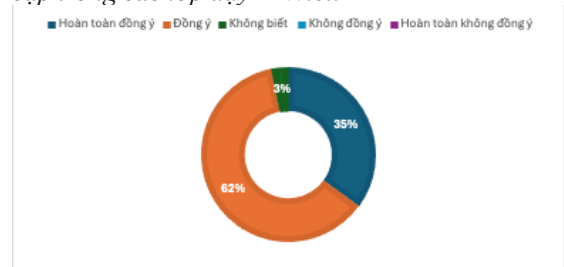
Hình 2.5. Kết quả khảo sát ý kiến của SV về tác động của HĐCB theo cặp đối với việc cải thiện KN viết (%)

Sau khi trả lời các câu hỏi khảo sát về những tác động của HĐCB viết theo cặp đối với từng khía cạnh trong thực hành viết của SV, các em được hỏi về nhận định chung của các em đối với hoạt động này. Kết quả khảo sát cho thấy 96% các em nhận ra HĐCB viết

theo cặp giúp cải thiện KN viết của SV. Có 2% các em không chắc chắn và 2% cho rằng HĐCB theo cặp không giúp cải thiện KN viết của các em.

Để làm sáng tỏ hơn suy nghĩ của các em, trong phần phỏng vấn, tác giả đã hỏi 5 SV các câu hỏi sâu hơn. Dù cả 5 SV được phỏng vấn đều khẳng định HĐCB theo cặp có tính hiệu quả và giúp SV phát triển KN viết của mình, các em vẫn được hỏi về những khả năng làm hạn chế những tác động tích cực của hoạt động này. Các câu trả lời thu được là như sau: “*Có thể là khi bạn SV nào đó không nghiêm túc đọc các nhận xét của cặp thì bạn đó sẽ không thay đổi được những vấn đề mình hay mắc phải và không phát triển được KN viết.*” Một em khác nói: “*Em nghĩ việc phân cặp như thế nào rất quan trọng, nếu 2 bạn làm việc cùng nhau nhưng cách làm việc lại không hợp nhau hoặc trình độ quá kém như nhau thì các bạn sẽ không nhận được nhiều lợi ích từ việc chữa bài theo cặp ạ.*”

2.3.6. Nhận thức của SV về việc áp dụng HĐCB theo cặp trong các lớp dạy KN viết.



Hình 2.6. Kết quả khảo sát ý kiến của SV về việc áp dụng HĐCB theo cặp trong các lớp dạy KN viết (%)

Và cuối cùng, với câu hỏi về việc áp dụng HĐCB viết theo cặp trong các lớp dạy KN viết, 97% các em hoàn toàn đồng ý và đồng ý với ý kiến nên áp dụng hoạt động này trong các lớp dạy viết. Có 3% số SV được khảo sát chưa chắc chắn về việc có nên hay không nên áp dụng hoạt động này.

Không khó để nhận ra, các em SV có những đánh giá rất tích cực về tác động của HĐCB viết theo cặp đối với việc phát triển KN viết của các em. Đồng nhất với kết quả khảo sát, trong phần trả lời phỏng vấn cả 5 bạn SV đều khẳng định HĐCB viết theo cặp mang lại hiệu quả và giúp các em có thêm động lực để viết thường xuyên hơn, có thêm kiến thức và KN thông qua việc đọc nhận xét của bạn cũng như việc trao đổi thông tin với bạn và việc bản thân đi tìm hiểu kiến thức để chữa bài cho bạn. Cụ thể, các em nói: “*Em thấy hoạt động này nên được áp dụng trong các lớp học viết ạ. Dù lúc đầu, có thể chúng em còn ngại làm việc nhưng dần dần khi nhận ra KN viết của mình được cải thiện thì chúng em không còn cảm giác lười như xưa nữa mà lại muốn có được người đồng hành*

cùng mình trong quá trình rèn luyện KN viết a.” Một ý kiến khác cho rằng: “Hoạt động này nên có trong các lớp học viết a. Nếu để chúng em tự tìm cặp để luyện viết cùng nhau, đa số là sẽ ngại và không thực hiện, nhưng khi đó là một hoạt động của lớp thì chúng em sẽ làm và sẽ được hưởng lợi từ điều đó a.”

3. Kết luận

Việc áp dụng HDCB viết theo cặp đã nhận được những phản hồi tích cực từ SV. Hầu hết các em đồng tình với những nhận định như các em cảm thấy thoải mái khi đọc những nhận xét trong HDCB theo cặp; hoạt động này giúp các em có thêm động lực thực hành viết; hoạt động này giúp các em có thêm động lực thực hành viết, chữa bài viết theo cặp giúp các em nhận ra các lỗi mình thường mắc phải và cảm thấy tự tin hơn khi viết, giúp các em phát triển KN viết nói chung. Vì những lợi ích trên, SV rất ủng hộ việc áp dụng HDCB theo cặp trong các lớp học viết.

Tuy nghiên cứu đã khẳng định được những lợi ích của việc áp dụng HDCB theo cặp, nghiên cứu vẫn còn có những hạn chế nhất định như:

Đánh giá hiệu quả ứng dụng các bài học... (tiếp theo trang 209)

Kết quả học tập của NTN tính theo tỉ lệ % giữa trước và sau thực nghiệm có sự thay đổi. Tỉ lệ khá, giỏi tăng lên rõ ràng, đặc biệt không còn loại yếu. Điều này chứng tỏ tác dụng của việc vận dụng phương pháp dạy học đa phương tiện có hiệu quả rõ ràng.

- Về mặt định tính: Bước đầu có thể khẳng định kết quả học tập của NĐC là ổn định so với tình hình trước khi thực nghiệm. Còn với NTN, kết quả của HV có sự tiến bộ đáng kể. Sự tiến bộ này không chỉ thể hiện ở nhóm học khá, giỏi mà còn ở nhóm trung bình. NTN có sử dụng phương pháp đa phương tiện trong giảng dạy, HV biểu hiện tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động học tập. Sự chủ động của HV trong học tập thể hiện rất rõ ràng.

3. Kết luận

Thực nghiệm sư phạm là cần thiết để đánh giá sự phù hợp, đúng đắn của một phương pháp cụ thể hay nói cách khác là đánh giá mức độ khả thi của phương pháp đó. Thực nghiệm sư phạm giúp cho người dạy, người học thấy được những ưu, nhược điểm của phương pháp và qua ý kiến cá nhân từng người để điều chỉnh và hoàn thiện giúp cho phương pháp đó có tính khả thi nhất.

Phương pháp dạy học đa phương tiện là một phương pháp mới được khuyến khích sử dụng trong những năm gần đây tuy nhiên đa số các trường hiện nay một phần do nhiều yếu tố tác động dẫn đến

Thời gian nghiên cứu trong một kỳ học là chưa dài để SV có thể nhận ra những thay đổi đối với KN viết mà hoạt động có chữa bài theo cặp tạo ra.

Quy mô nghiên cứu chưa đủ lớn để các kết luận của nghiên cứu có tính bao

References

1. Corbin, B. (2012). Improving L2 peer-feedback. Retrieved from www.bryancorbin.net/.../2012/.../Improving-L2-P.
2. Farrah, M (2012). The impact of peer feedback on improving the writing skills among Hebron university students. An-Najah Uni.J. Res. (Humanities), 26(1), 180-210.
3. Hyland, K., & Hyland, F. (2006). *Feedback in second language writing: contexts and issues*. Cambridge University Press.
4. Kamimura, T. (2006). Effects of peer feedback on EFL student writers at different levels of English proficiency: *A Japanese Context, TESL Canada Journal*, 23 (2), 22-34

phương pháp giảng dạy vẫn dựa nhiều theo kinh nghiệm, lối giảng dạy kiểu truyền thống vẫn chiếm chủ đạo. Việc thực nghiệm sư phạm thực tế là điều hết sức cần thiết để có thể chứng minh được sự hiệu quả, tính khả thi của phương pháp dạy học đa phương tiện.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). *Chỉ thị số: 12CT/TU, ngày 03/5/2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới. Các văn bản hiện hành về GDQP&AN*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội:
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). *Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT, ngày 12/9/2012 về Chương trình GDQP&AN*, Truy cập từ: <http://www.moet.gov.vn/vanban/vanban/Pages/default.aspx?Page=10>
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). *Thông tư số: 40/2012/TT-BGDĐT, ngày 19/11/2012 về Quản lý chất lượng GDQP&AN* Truy cập từ: <http://www.moet.gov.vn/vanban/vanban/Pages/default.aspx?Page=10>
- [4]. ĐCS Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XII. Văn phòng Trung ương Đảng*, Hà Nội.
- [5]. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013). *Luật GDQP&AN số: 30/2013/QH13*, Truy cập từ: <http://www.moj.gov.vn/vbpq/lists =28731>.